TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày 31-5-2024.
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoà;

2. Ông Lê Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ t hẩm công khai vụ án thụ lý số : 135/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023, về "Tranh chấp đòi lại tài sản" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 933/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị A, sinh năm: 1931; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Anh Đỗ Đình S, sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Đỗ Đình S: Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Theo Văn bản uỷ quyền lập ngày 06/12/2023). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2023, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị A ***trình bày:***

Giữa bà Bùi Thị A với vợ chồng anh Đỗ Đình S, chị Huỳnh Thị Hồng H có mối quan hệ quen biết với nhau.

Ngày 16/4/2017, vợ chồng chị H, anh S mượn của bà Bùi Thị A 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K và số tiền 72.000.000 đồng. Khi mượn có viết giấy và cam kết đến ngày 16/8/2017 sẽ trả đủ số tiền và vàng đã mượn. Đến nay vợ chồng anh S, chị H chưa trả cho bà A khoản tiền, vàng nào. Do đó, bà A yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Thị Hồng H và anh Đỗ Đình S trả 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K và số tiền 72.000.000 đồng.

- Ý kiến trình bày của bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng H ***và cũng là người đại diện hợp pháp của bị đơn anh*** Đỗ Đình S ***trình bày:***

Chị Huỳnh Thị Hồng H xác nhận: Vào ngày 16/4/2017, vợ chồng chị H, anh S có mượn của bà Bùi Thị A 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K và số tiền 72.000.000 đồng. Sau khi mượn đến nay đã trả nhiều lần cho bà A là người trực tiếp nhận vàng, tiền và xác định đã trả cho bà Bùi Thị A hết số vàng, tiền đã mượn của bà A. Chị H xác định hiện nay không có nợ tiền, vàng gì của bà A, nên yêu cầu của bà A chị H không chấp nhận.

Chị H thừa nhận chữ ký "Huỳnh Thị Hồng H" dưới mục người mượn tiền trong Giấy mượn tiền ngày 16/4/2017 do bà A cung cấp là chữ ký của chị H; chị H ký là hoàn toàn tự nguyện. Chữ ký "Đỗ Đình S" dưới mục vợ hoặc chồng trong Giấy mượn tiền ngày 16/4/2017 do bà A cung cấp là do chị H ký viết, vì lúc đó không có anh S tại nhà.

Chị H xác định các lần trả tiền, vàng đều do bà Bùi Thị A là người trực tiếp nhận. Ngoài bà A ra thì không có ai chứng kiến, nên chị H không có tài liệu nào chứng minh cho việc đã trả tiền và vàng cho bà A để nộp cho Toà án.

- Ý kiến trình bày của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn chị Đặng Thị L***:***

Chị Đặng Thị L là con duy nhất của bà Bùi Thị A. Ngày 16/4/2017, vợ chồng chị H, anh S mượn của bà Bùi Thị A 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K và số tiền 72.000.000 đồng. Khi mượn có viết giấy và cam kết đến ngày 16/8/2017 sẽ trả đủ số tiền và vàng đã mượn. Việc vay, mượn tiền giữa bà A với vợ chồng chị H, anh S như thế nào thì chị L không biết. Ngày 06/02/2024, bà Bùi Thị A bị bệnh chết. Bà Đặng Thị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng chị Huỳnh Thị Hồng H, anh Đỗ Đình S trả 06 *(sáu)* chỉ vàng 24k. Ngoài ra, bà L không yêu cầu vợ chồng chị H, anh S trả số tiền 72.000.000 đồng và 04 *(bốn)* chỉ vàng 24K còn lại.

Tại phiên tòa: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là chị Đặng Thị L xác định: Chị L là người thừa kế duy nhất của bà Bùi Thị A. Trước khi chết bà A không để lại di chúc. Chị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng anh S, chị H có nghĩa vụ trả 06 (Sáu) chỉ vàng 24K. Chị L rút yêu cầu

khởi kiện của bà A về việc yêu cầu vợ chồng chị H, anh S trả số tiền 72.000.000 đồng và 04 *(Bốn)* chỉ vàng 24K còn lại; việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Hồng H: Đồng ý trả cho chị L 06 *(Sáu)* chỉ vàng 24K, nhưng điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A. Buộc anh Đỗ Đình S và chị Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị L 06 *(Sáu)* chỉ vàng 24K; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà A về việc buộc anh Đỗ Đình S và chị Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ trả số tiền 72.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24K còn lại.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Đỗ Đình S và chị Huỳnh Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa , ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng :*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :*

Nguyên đơn bà Bùi Thị A khởi kiện bị đơn ông Đỗ Đình S, bà Huỳnh Thị Hồng H trả lại số tiền, vàng đã vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giải quyết là "tranh chấp đòi lại tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về xác định tư cách của đương sự:* Nguyên đơn bà Bùi Thị A khởi kiện bị đơn anh Đỗ Đình S, chị Huỳnh Thị Hồng H trả lại số tiền, vàng 24K. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 06/02/2024, bà A chết; ngày 19/3/2024, gia đình bà A cung cấp "Bản lý lịch trích ngang dùng cho việc kê khai mối quan hệ theo pháp luật của bà Bùi Thị A". Do đó, căn cứ Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự,

Toà án xác định chị Đặng Thị L là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bà Bùi Thị A.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Về xác lập giao dịch dân sự : Căn cứ vào lời khai của bà Bùi Thị A, chị Huỳnh Thị Hồng H cùng với tài liệu, chứng cứ là Giấy mượn tiền lập ng ày 16/4/2017 (bản chính) do bà Bùi Thị A cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 16/4/2017, anh Đỗ Đình S, chị Huỳnh Thị Hồng H có xác lập hợp đồng vay của bà Bùi Thị A 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K và số tiền 72.000.000 đồng, chứng tỏ bà A và vợ chồng chị H, anh S có giao dịch dân sự vay mượn tiền, vàng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà A và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A và lời khai của chị Huỳnh Thị Hồng H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 16/4/2017, vợ chồng chị Huỳnh Thị Hồng H, anh Đỗ Đình S có vay của bà Bùi Thị A số tiền 72.000.000 đồng và 10 *(Mười)* chỉ vàng 24k. Chị H cho rằng đã nhiều lần trực tiếp trả cho bà A, đến nay không còn nợ tiền, vàng của bà A; việc trả tiền, vàng cho bà A chỉ có chị H và bà A, nhưng hai bên không có viết giấy tờ trả nợ. Bà A không thừa nhận việc vợ chồng chị H, anh S trả tiền, vàng. Chị H không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc trả nợ cho bà A. Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị H, anh S phải chịu hậu quả pháp lý về không chứng minh được việc trả tiền, vàng cho bà A. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, vợ chồng chị H, anh S còn nợ của bà Bùi Thị A số tiền 72.000.000 đồng và 10 *(Mười)* chỉ vàng 24k.

Chị H cho rằng việc vay tiền, vàng của bà A chỉ có một mình chị H không có anh S, chữ ký của anh S trong Giấy mượn tiền lập ngày 16/4/2017 do bà A cung cấp là do chị H tự ký thay cho anh S, nhưng chị H không yêu cầu giám định. Hơn nữa, chị H cho rằng mục đích vay tiền, vàng của bà A là để giải quyết công việc chung của vợ chồng và anh S biết được việc nợ tiền, vàng của bà A nhưng không có ý kiến gì. Do vậy, căn cứ vào Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị H, anh S.

Sau khi nhận số tiền, vàng nêu trên của bà A thì vợ chồng chị H, anh S không thực hiện trả lại số tiền, vàng trên cho bà A theo giấy mượn tiền đã ký kết ngày 16/4/2017 và bà A đã nhiều lần liên hệ với vợ chồng chị H, anh S nhưng vợ chồng chị H, anh S không thực hiện việc trả nợ cho bà A. Căn cứ vào các điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sỡ hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Lẽ ra, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc vợ chồng chị H, anh S phải có nghĩa vụ trả cho người thừa kế duy nhất của bà A là chị Đặng Thị L số tiền 72.000.000 (*Bảy mươi hai triệu*) đồng và 10 *(Mười)* chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, chị L yêu cầu vợ chồng chị H, anh S có nghĩa vụ trả 06 *(Sáu)* chỉ vàng 24K. Xét yêu cầu của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho vợ chồng chị H, anh S. Chị H đồng ý trả

cho bà L 06 *(Sáu)* chỉ vàng nhưng điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét yêu cầu trả dần của vợ chồng chị H, anh S không được bà L chấp nhận. Do vậy, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là buộc vợ chồng anh Đỗ Đình S, chị Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ trả cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị A là chị Đặng Thị L 06 *(Sáu)* chỉ vàng 24K.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị L rút yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A về việc buộc vợ chồng chị H, anh S có nghĩa vụ trả số tiền 72.000.000 đồng và 04 *(Bốn)* chỉ vàng 24K còn lại. Xét việc rút yêu cầu của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà A là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội . Buộc chị Huỳnh Thị Hồng H và anh Đỗ Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 147; Điều 220; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 164; Điều 166; Điều 609; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q uốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị A. Buộc chị Huỳnh Thị Hồng H và anh Đỗ Đình S có nghĩa vụ trả cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Bùi Thị A là chị Đặng Thị L 06 *(Sáu)* chỉ vàng 24K;

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Bùi Thị A về việc buộc chị Huỳnh Thị Hồng H và anh Đỗ Đình S có nghĩa vụ trả số tiền 72.000.000 *(Bảy mươi hai triệu)* đồng và 04 *(Bốn)* chỉ vàng 24K còn lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm : Buộc chị Huỳnh Thị Hồng H và anh Đỗ Đình S phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP-HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bá Tùng